TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **36**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Tý
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Thìn
2. Ông Giang Công Chiến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Dương Thị H**, sinh năm 1983 (có mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước
* Bị đơn: Anh **Phan Văn M**, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Phan Văn M là vợ chồng chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2000, khi chung sống do chưa đủ tuổi kết hôn nên đến năm 2005 chị H và anh M mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng tuy có mâu thuẫn, bất hòa nhưng vì thương các con còn nhỏ nên chị H cố gắng chung sống để nuôi dạy các con. Tuy nhiên, đến cuối năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh M thường xuyên kiếm chuyện chửi bới, xúc phạm chị H, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, con cái;

bỏ mẹ con chị H ra ở riêng từ tháng 10 năm 2019 đến nay mặc cho chị H một mình chăm lo cho các con. Nay chị H xác định tình cảm dành cho anh M không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Phan Văn M.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh M có 02 con chung tên Phan Thị Huyên Trang, sinh ngày 10/6/2001 và Phan Minh Trọng, sinh ngày 05/3/2003. Khi ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được nuôi cháu Phan Minh Trọng, còn cháu Trang đã thành niên, có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

- Đối với bị đơn anh Phan Văn M vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xem xét cho chị H được ly hôn với anh M.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Phan Minh Trọng, sinh ngày 05/3/2003 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vấn đề cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: không đề nghị xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn chị Dương Thị H thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Phan Văn M có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Mặc dù Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh M nhưng tại phiên tòa hôm nay anh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2000, tại thời điểm chung sống các bên chưa đủ tuổi kết hôn. Tuy nhiên, chị H và anh M vẫn chung sống đến năm 2005 đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Đồng phú, tỉnh Bình Phước trên tinh thần tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, tH xuyên mâu thuẫn cãi vã, anh M vi phạm nghĩa vụ của người chồng trong gia đình, không quan tâm chăm sóc gia đình, con cái, hiện nay vợ chồng chị H và anh M đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt thông báo hòa giải để tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hoà giải, đoàn tụ gia đình nhưng anh M vắng mặt, điều này thể hiện anh M không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh M là phù hợp với các điều 51và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung tên Phan Thị Huyền T, sinh ngày 10/6/2001 và Phan Minh T, sinh ngày 05/3/2003. Khi ly hôn, chị H có yêu cầu được nuôi cháu T. Xét thấy, cháu T chưa thành niên, hiện đang sống với chị H, cháu T có nguyện vọng được ở với chị H nên cần giao cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với cháu T đã thành niên, có khả năng lao động và chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vấn đề cấp dưỡng cho cháu T chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Phan Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 05/3/2003 cho chị Dương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Dương Thị H phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004009 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

4. Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã T;
-Các đương sự;
-Lưu HS, BP.HNGĐ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Tý

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Phan Thị Tý

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa
Lê Quang Thìn Nguyễn Viết Xứng	**Nguyễn Đức Hùng**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG PHÚ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 22 tháng 11 năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Thìn

2. Ông Nguyễn Viết Xứng

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: - Chị **Dương Thị H**, sinh năm 1982 (có mặt)

HKTT: đội 1, ấp Cây Điệp, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện nay: 24/HV Khu phố 1, PH Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

* Bị đơn: - Anh **Trương Văn Khởi**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: đội 1, ấp Cây Điệp, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Trương Văn Khởi.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung tên Trương Đào Ái Như, sinh ngày 24/05/2002 cho chị Dương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị Hnuôi dưỡng con chung anh Mđược thực hiện quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị Dương Thị H phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011046 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

4. Chị Hđược quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Mđược quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ..... phút, ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đức Hùng